

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2021

V/v tranh chấp L hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Công Khanh

2. Bà Nguyễn Thị Nhưường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “ L hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐ-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số A, đường Nguyễn Văn T, khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Phan M, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: 12723 PM LN, H TX 77014 USA

(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phan M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020 và bản tường trình ngày 20/9/2021 nguyên đơn chị Huỳnh Thị Trúc L trình bày: Chị L và anh Phan M quen biết với nhau qua mai mối và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Long An theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2007 ngày 19/4/2007. Sau khi kết hôn chị L và anh Phan M trở về Hòa Kỳ sinh sống và anh Phan M làm thủ tục bảo lãnh chị L sang Hoa Kỳ nhưng chưa thực hiện được. Sau đó hơn 1 năm anh Phan M có về Việt Nam làm thủ tục khiếu nại về việc không giải quyết thủ tục bảo lãnh chị L sang Hoa

Kỳ đoàn tụ gia đình, trong khoảng thời gian này chị L và anh Phan M chung sống tại Việt Nam. Sau đó, Phan M trở về Hoa Kỳ sống, chị L và anh Phan M vẫn còn liên lạc với nhau 1 năm, sau đó chị L không liên lạc được với anh Phan M, chị L và anh Phan M đã không liên lạc được với nhau hơn 10 năm nên chị L yêu cầu được L hôn với anh Phan M.

Về con chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/10/2020 chị Huỳnh Thị Trúc L nộp đơn khởi kiện.

Ngày 29/11/2020 Toà án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tòa án nhân dân tỉnh Long An thực hiện ủy thác Tư pháp về Dân sự theo công ước La Hay.

Ngày 30/6/2021 Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có Công văn số 1836/BTP- PLQT thông báo đã thực hiện ủy thác theo yêu cầu của Toà án.

Trong bản tường trình và đơn xin xét xử vắng mặt chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được L hôn với anh Phan M. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thực hiện ủy thác được thực hiện đầy đủ. Vụ án được tiến hành công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, được tổng đạt hợp lệ, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ điều kiện để đưa vụ án ra giải quyết vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ theo thủ tục tố tụng do luật quy định.

Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Trúc L: Chị L và anh Phan M đăng ký kết hôn ngày 19/4/2007 tại Sở tư pháp tỉnh Long An. Sau khi kết hôn thời gian chung sống của vợ chồng ngắn, hoàn cảnh hai người ở xa nhau và cũng mất liên lạc 11 năm nay. Xét thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L khởi kiện xin L hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, nợ chung, con chung: không có không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị Huỳnh Thị Trúc L xin L hôn với anh Phan M đang định cư tại Hoa Kỳ (Mỹ). Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp L hôn có yếu tố nước ngoài; Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Trúc L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phan M đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Phan M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Trúc L và anh Phan M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88/2007 ngày 19/4/2007 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị L trình bày chị và anh Phan M tiến tới hôn nhân là do mai mối không có nhiều thời gian tìm hiểu. Sau khi ký kết hôn anh Phan M về Hoa Kỳ sống, chị L sống tại Việt Nam, anh Phan M có làm thủ tục bảo lãnh chị L sang Hoa Kỳ nhưng không thực hiện được. Xét thấy, thời gian chị L và anh Phan M sống chung không lâu, sau đó anh Phan M về Hoa Kỳ sống, chị L sống tại Việt Nam, chị L và anh Phan M không sống chung hơn 10 năm và không còn liên lạc với nhau. Khi Tòa án thực hiện ủy thác Tư pháp theo địa chỉ của anh Phan M ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng không nhận được phản hồi của anh Phan M. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không còn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin L hôn của chị L, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3.2] Về con chung: Chị L trình bày không có.

[3.3] Về tài sản và nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3.4] Anh Phan M đã được ủy thác tư pháp nhưng không có kết quả nên không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm và 200.000đồng lệ phí ủy thác ra nước ngoài theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Chi phí ủy thác Tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, chị Huỳnh Thị Trúc L phải chịu.

[6] Anh Phan M không có mặt tại phiên tòa, việc ủy thác Tư pháp không kết quả nên anh Phan M được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 37, 39, 147, 153, 227, 228, 469, 477, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các điều 56, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Trúc L đối với anh Phan M về việc “ L hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Trúc L được L hôn với anh Phan M.

3. Về án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác ra nước ngoài: Chị Huỳnh Thị Trúc L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 200.000đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí và 200.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo các biên lai thu số 0008680 ngày 06/11/2020 và 0003801 ngày 14/12/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

4. Về chi phí Ủy thác Tư pháp: Chị Huỳnh Thị Trúc L phải chịu và đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Trúc L có đơn xin mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Bị đơn anh Phan M vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- UBND tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tôn Thọ Nuôi – Đinh Công Khanh

Trịnh Thị Phúc

